

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1 – ĐỀ SỐ 3
MÔN: TIẾNG ANH 11 GLOBAL SUCCESS
BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

HƯỚNG DẪN GIẢI

Thực hiện: Ban chuyên môn Loigiaihay.com

1. B	2. D	3. A	4. C	5. A
6. B	7. D	8. C	9. A	10. D
11. C	12. C	13. B	14. D	15. D
16. D	17. D	18. C	19. D	

20. Have you ever visited

21. haven't had

22. arrested

23. have known; were

24. hasn't talked

25. has become

26. C	27. B	28. B	29. D	30. A
31. A	32. C	33. B	34. B	35. D

36. should study harder to pass the exam

37. we go swimming this afternoon

38. haven't seen her since 2021

39. shouldn't compare their children to others'

40. mustn't cheat in the exam

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

1.

Kiến thức: Phát âm “g”

Giải thích:

A. **g**ap /gæp/

B. **g**eneration /,dʒen.ə'rei.ʃən/

C. **g**randparent /'græn.peə.rənt/

D. great /greɪt/

Các đáp án A, C, D âm “g” phát âm là /g/; đáp án B âm “g” phát âm là /dʒ/.

Đáp án: B.

2.

Kiến thức: Phát âm “e”

Giải thích:

A. believe /bɪ'li:v/

B. extend /ɪk'stend/

C. respect /rɪ'spekt/

D. gender /'dʒen.dər/

Các đáp án A, B, C âm “e” phát âm là /i/; đáp án D âm “e” phát âm /e/.

Đáp án: D.

3.

Kiến thức: Trọng âm

Giải thích:

A. behave /bɪ'heɪv/

B. differ /'dɪf.ər/

C. argue /'ɑ:g.ju:/

D. follow /'fɒl.əʊ/

Các đáp án B, C, D trọng âm rơi vào âm thứ 1; đáp án A trọng âm rơi vào âm thứ 2.

Đáp án: A.

4.

Kiến thức: Trọng âm

Giải thích:

A. population /,pɒp.jə'leɪ.ʃən/

B. operation /,ɒp.ər'eɪ.ʃən/

C. infrastructure /'ɪn.frə'strʌk.tʃər/

D. exhibition /,ek.sɪ'bɪʃ.ən/

Các đáp án A, B, D trọng âm rơi vào âm thứ 3; đáp án C trọng âm rơi vào âm thứ 1.

Đáp án: C.

5.

Kiến thức: Liên từ

Giải thích:

- A. thanks to: nhờ
- B. because: bởi vì
- C. despite: bất chấp
- D. in spite of: bất chấp

Tạm dịch: Chất lượng cuộc sống sẽ được cải thiện nhờ môi trường sạch hơn.

Đáp án: A.

6.

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

- A. limited: hạn chế
- B. renewable: có thể tái tạo
- C. non-renewable: không thể tái tạo
- D. fossil fuel: nhiên liệu hóa thạch

Tạm dịch: Nếu con người sử dụng nhiều năng lượng tái tạo hơn thì tác động tiêu cực đến môi trường sẽ giảm đi.

Đáp án: B.

7.

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

- A. unhappy (adj): không vui
- B. happily (adv): vui vẻ
- C. happiness (n): sự hạnh phúc
- D. happy (adj): vui vẻ

Tạm dịch: Cô ấy trông rất vui vì cô ấy đạt điểm cao trong kỳ thi cuối kỳ.

Đáp án: D.

8.

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

- A. population (n): dân số

- B. overpopulated (adj): đông dân
- C. overpopulation (n): quá tải dân số
- D. popularity (n): sự phổ biến

Ở đây ta cần một danh từ để làm chủ ngữ.

Tạm dịch: Quá tải dân số được sử dụng cho những thành phố có quá nhiều người sinh sống.

Đáp án: C.

9.

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

- A. carry out (v): thực hiện, tiến hành
- B. make up (v): làm hòa; trang điểm
- C. get around (v): đi vòng quanh
- D. give up (v): từ bỏ

Tạm dịch: Các tình nguyện viên thiết kế và thực hiện một dự án nhằm làm sạch một số khu vực trong thành phố của họ.

Đáp án: A.

10.

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

- A. happiness (n): niềm hạnh phúc
- B. problem (n): vấn đề
- C. conflict (n): xung đột
- D. pressure (n): áp lực

Cấu trúc: “put pressure on sb”: tạo/gây áp lực cho ai.

Tạm dịch: Những quy định nghiêm ngặt của cha mẹ có thể gây thêm áp lực cho thanh thiếu niên.

Đáp án: D.

11.

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

- A. dependent (adj): phụ thuộc

B. independence (n): độc lập

C. independent (adj): độc lập

D. dependence (n): phụ thuộc

Cấu trúc “tend to be + adj”: có xu hướng

Tạm dịch: Thanh thiếu niên có xu hướng độc lập và muốn tự đưa ra quyết định mà không bị cha mẹ kiểm soát.

Đáp án: C.

12.

Kiến thức: Động từ khuyết thiếu

Giải thích:

A. shouldn't: không nên

B. must: phải

C. should: nên

D. have to: phải

Tạm dịch: Tôi nghĩ bạn nên nghe theo lời khuyên của bác sĩ để giữ dáng.

Đáp án: C.

13.

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

A. Raw (adj): thô, sống

B. Fresh (adj): tươi

C. Cooked (adj): nấu chín

D. Frozen (adj): đông lạnh

Tạm dịch: Rau quả tươi đóng vai trò quan trọng trong chế độ ăn uống lành mạnh

Đáp án: B.

14.

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

A. body (n): cơ thể

B. nutritious (adj): dinh dưỡng

C. mind (n): tâm trí

D. physical (adj): thể chất

Tạm dịch: Cả sức khỏe tinh thần và thể chất nên được chăm sóc cẩn thận.

Đáp án: D.

15.

Kiến thức: Cụm động từ

Giải thích: Vị trí còn trống cần điền một giới từ đi với động từ “refer”.

Ta có cụm “refer to”: đề cập tới.

Tạm dịch: Khoảng cách thể hệ đề cập tới sự khác biệt trong cách suy nghĩ, nhận thức của con người ở hai thế hệ khác nhau.

Đáp án: D.

16.

Kiến thức: Từ đồng nghĩa

Giải thích:

A. continue (v): tiếp tục

B. suffer (v): chịu đựng

C. take up (v): bắt đầu

D. stop (v): dừng/ngừng lại

give up = stop: từ bỏ, ngừng

Tạm dịch: Bạn nên bỏ thuốc lá để bảo vệ sức khỏe.

Đáp án: D.

17.

Kiến thức: Từ đồng nghĩa

Giải thích:

A. prevent (v): ngăn chặn

B. solve (v): giải quyết

C. improve (v): cải thiện

D. cause (v): gây ra

lead to = cause: dẫn tới, gây ra

Tạm dịch: Thiếu ngủ có thể dẫn đến nhiều vấn đề về sức khỏe. Chúng ta nên ngủ từ bảy đến tám tiếng mỗi đêm.

Đáp án: D.

18.

Kiến thức: Từ trái nghĩa**Giải thích:**

A. focus (v): tập trung

B. abandon (v): từ bỏ

C. neglect (v): phớt lờ

D. allow (v): cho phép

concentrate (tập trung) >< neglect (phớt lờ)

Tạm dịch: Tôi không thể tập trung vào công việc vì tiếng ồn bên ngoài.**Đáp án: C.**

19.

Kiến thức: Từ trái nghĩa**Giải thích:**

A. look up to (v): kính trọng

B. look for (v): tìm kiếm

C. look forwards (v): mong chờ

D. look down on (v): coi thường

respect (kính trọng) >< look down on (coi thường)

Tạm dịch: Chúng tôi vô cùng kính trọng giáo viên của tôi vì tất cả những bài học hay nhất mà cô ấy đã mang lại cho chúng tôi.**Đáp án: D.**

20.

Kiến thức: Hiện tại hoàn thành**Giải thích:** Câu hỏi về một trải nghiệm, trong câu có “ever” => động từ trong câu chia hiện tại hoàn thành.**Tạm dịch:** Bạn đã từng đến thăm phố cổ Hội An chưa?**Đáp án: Have you ever visited.**

21.

Kiến thức: Hiện tại hoàn thành**Giải thích:** Dấu hiệu: câu có “so far” => động từ trong câu chia hiện tại hoàn thành.**Tạm dịch:** Mọi việc đều diễn ra tốt đẹp. Chúng tôi chưa gặp vấn đề gì cho đến nay.

Đáp án: haven't had.

22.

Kiến thức: Quá khứ đơn

Giải thích: Câu diễn tả sự việc đã xảy ra trong quá khứ, trong câu có "last night" => động từ trong câu chia quá khứ đơn.

Tạm dịch: Cảnh sát đã bắt giữ hai người đàn ông liên quan đến vụ cướp đêm qua.

Đáp án: arrested.

23.

Kiến thức: Hiện tại hoàn thành; quá khứ đơn

Giải thích: Mệnh đề trước "since" chia HTHT; mệnh đề sau "since" chia QKD: "S + have/has + V-p2 + since + S + V-ed".

Tạm dịch: Chúng tôi quen nhau từ khi còn học trung học.

Đáp án: have known; were.

24.

Kiến thức: Hiện tại hoàn thành

Giải thích: Mệnh đề trước "since" chia HTHT; mệnh đề sau "since" chia QKD: "S + have/has + V-p2 + since + N + khoảng thời gian trong quá khứ".

Tạm dịch: Jane đã không nói chuyện với bố mẹ kể từ cuộc cãi vã tuần trước.

Đáp án: hasn't talked.

25.

Kiến thức: Hiện tại hoàn thành

Giải thích: Câu có "over the past few years" => động từ trong câu chia hiện tại hoàn thành.

Tạm dịch: Trong vài năm qua, Việt Nam đã trở thành một trong những điểm đến được người nước ngoài ưa thích nhất ở Đông Nam Á.

Đáp án: has become.

26.

Kiến thức: Câu bị động

Giải thích: Vị trí còn trống cần điền một động từ tobe "is" để tạo thành câu bị động.

Tạm dịch: Khi một người bị ảnh hưởng bởi bạn bè hoặc đồng nghiệp của họ để áp dụng một kiểu hành vi, phong cách thời trang hoặc thái độ cụ thể để phù hợp, đây là áp lực đồng trang lứa.

Đáp án: C.

27.

Kiến thức: Cụm động từ

Giải thích: Vị trí còn trống cần một giới từ đi với động từ “deal” để tạo thành cụm động từ “deal with”: đối phó, giải quyết.

Tạm dịch: Cảm giác được chấp nhận là động lực mạnh mẽ cho mọi người ở mọi lứa tuổi và vì vậy học cách đối phó với áp lực từ bạn bè - cả tích cực và tiêu cực - là một kỹ năng sống quan trọng.

Đáp án: B.

28.

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

A. pursue (v): theo đuổi

B. impress (v): gây ấn tượng

C. adapt (v): thích nghi

D. suffer (v): chịu đựng

Tạm dịch: Những năm thiếu niên là khoảng thời gian nhiều người trải nghiệm và vượt qua các ranh giới, thường là vì họ muốn gây ấn tượng với bạn bè.

Đáp án: B.

29.

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích:

A. arguments (n): tranh luận

B. conflicts (n): xung đột

C. anger (n): tức giận

D. happiness (n): hạnh phúc

Tạm dịch: áp lực tích cực từ bạn bè lại làm tăng cảm giác khỏe mạnh và hạnh phúc của một người.

Đáp án: D.

30.

Kiến thức: Liên từ

Giải thích:

- A. For instance: Ví dụ
- B. However: Tuy nhiên
- C. Therefore: Do đó
- D. As a result: Kết quả là

Vì phía sau cụm từ này là một ví dụ cho việc thanh thiếu niên nhận được những ảnh hưởng tích cực từ bạn bè, điều mà đã được đề cập ở những câu trước đó.

Tạm dịch: Ví dụ, khi bạn bè tham gia một câu lạc bộ hoặc đội thể thao, hoặc làm việc chăm chỉ để đạt được điểm cao, điều đó có thể có tác động tích cực đến mọi người trong nhóm đó.

Đáp án: A.

Dịch đoạn văn hoàn chỉnh:

Khi một người bị ảnh hưởng bởi bạn bè hoặc đồng nghiệp của họ để áp dụng một kiểu hành vi, phong cách thời trang hoặc thái độ cụ thể để phù hợp, đây là áp lực đồng trang lứa. Cảm giác được chấp nhận là động lực mạnh mẽ cho mọi người ở mọi lứa tuổi và vì vậy học cách đối phó với áp lực từ bạn bè - cả tích cực và tiêu cực - là một kỹ năng sống quan trọng. Áp lực từ bạn bè thường được coi là điều gì đó tiêu cực, chẳng hạn như khi một người cảm thấy bị bạn bè - dù là bạn bè hay không - ép buộc phải làm điều gì đó mà họ không muốn làm. Những năm thiếu niên là khoảng thời gian nhiều người thử nghiệm và vượt qua các ranh giới, thường là vì họ muốn gây ấn tượng với bạn bè. Trong khi áp lực tiêu cực từ bạn bè khiến một người cảm thấy không vui, không khỏe hoặc không thoải mái thì áp lực tích cực từ bạn bè lại làm tăng cảm giác khỏe mạnh và hạnh phúc của một người. Khi các cá nhân gắn bó với những người tích cực, bầu không khí hỗ trợ có thể dẫn đến những lựa chọn lành mạnh. Ví dụ, khi bạn bè tham gia một câu lạc bộ hoặc đội thể thao, hoặc làm việc chăm chỉ để đạt được điểm cao, điều đó có thể có tác động tích cực đến mọi người trong nhóm đó.

31.

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích: Câu nào phù hợp nhất làm tiêu đề cho đoạn văn?

- A. Một câu hỏi về dữ liệu.
- B. Sự liên kết của tâm trí.
- C. Những người ủng hộ thành phố thông minh.
- D. Vẫn còn đường cũ.

Đáp án: A.

32.

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích: Theo đoạn 1, câu nào đúng về thực trạng thành phố thông minh hiện nay?

- A. Thành phố thông minh hứa hẹn sự tiện lợi về mặt công nghệ nên phí dịch vụ cao không phải là vấn đề.
- B. Dubai, Amsterdam và Hampton nằm trong số những thành phố được vinh danh là “thông minh”.
- C. Vẫn còn nhiều thách thức đối với việc thể chế và phát triển thành phố thông minh.
- D. Thành phố thông minh vốn đã thành công trên thế giới là công trình của các nhà hoạch định chính sách.

Thông tin: But as with all public sector initiatives, smart city services need to be delivered as cost effectively as possible to minimize the taxpayer burden. Often, key decision makers are met with obstacles when it comes to deploying smart services.

Tạm dịch: Nhưng giống như tất cả các sáng kiến của khu vực công, các dịch vụ của thành phố thông minh cần được cung cấp với mức chi phí hiệu quả nhất có thể để giảm thiểu gánh nặng cho người nộp thuế. Thông thường, những người ra quyết định quan trọng gặp phải trở ngại khi triển khai các dịch vụ thông minh.

Đáp án: C.

33.

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích: Từ “they” ở đoạn 2 đề cập đến _____.

- A. môi trường
- B. hệ sinh thái
- C. dịch vụ
- D. sáng kiến

Thông tin: Central to the functioning of most ‘normal’ city ecosystems is the underlying data they run on.

Tạm dịch: Trọng tâm của hoạt động của hầu hết các hệ sinh thái thành phố ‘bình thường’ là dữ liệu cơ bản mà chúng chạy trên đó.

Đáp án: B.

34.

Kiến thức: Đọc hiểu**Giải thích:** Theo đoạn 2, vấn đề mà tác giả muốn nhấn mạnh là gì?

- A. Sự thôi thúc chia sẻ thông tin của con người.
- B. Tầm quan trọng của mạng dữ liệu.
- C. Khả năng xảy ra thảm họa công nghệ.
- D. Tầm cỡ của trí tuệ nhân tạo.

Đáp án: B.

35.

Kiến thức: Đọc hiểu**Giải thích:** Từ “elevate: được nâng cao” ở đoạn 3 có thể được thay thế bằng _____.

- A. giáng chức
- B. bị kiểm soát
- C. trang nghiêm
- D. được nâng cấp

Thông tin: In this way, operations and services are elevated through the integration and connections of physical devices via IoT networks.**Tạm dịch:** Bằng cách này, các hoạt động và dịch vụ được nâng cao thông qua việc tích hợp và kết nối các thiết bị vật lý thông qua mạng IoT.**Đáp án: D.****Dịch bài đọc:**

Nơi mà các thành phố thông minh từng được coi hoàn toàn là tầm nhìn về tương lai, giờ đây chúng đang trở thành hiện thực ở nhiều trung tâm đô thị trên toàn cầu. Từ Dubai, Singapore, Amsterdam, Copenhagen và Madrid đến Southampton ở Anh, chúng ta đã bắt đầu thấy các thành phố thông minh mang đến cho người dân điều kiện sống được cải thiện, khả năng di chuyển dễ dàng hơn và môi trường sạch hơn, an toàn hơn bằng cách sử dụng điện toán đám mây để cung cấp năng lượng cho các dịch vụ. Nhưng giống như tất cả các sáng kiến của khu vực công, các dịch vụ của thành phố thông minh cần được cung cấp với mức chi phí hiệu quả nhất có thể để giảm thiểu gánh nặng cho người nộp thuế. Thông thường, những người ra quyết định quan trọng gặp phải trở ngại khi triển khai các dịch vụ thông minh, ngăn cản các sáng

kiến của thành phố thông minh phát huy hết tiềm năng của chúng – hoặc tệ hơn là chặn chúng hoàn toàn.

Trọng tâm của hoạt động của hầu hết các hệ sinh thái thành phố ‘bình thường’ là dữ liệu cơ bản mà chúng chạy trên đó. Bất kể dữ liệu đó được lưu trữ trên máy chủ cục bộ hay sử dụng bộ lưu trữ đám mây, khi dữ liệu đó bị phân mảnh hoặc không đầy đủ, việc xác định các xu hướng mới nổi để lập kế hoạch chiến lược và giảm chi phí trở nên cực kỳ khó khăn – và do đó, chính quyền phải áp dụng một cách tiếp cận hoàn toàn phản ứng. Ngược lại, trong môi trường thành phố thông minh, các cảm biến được kết nối tạo thành Internet vạn vật (IoT) cung cấp dữ liệu có giá trị để phân tích và từ đó hiểu rõ hơn về xu hướng hành vi của thành phố cụ thể. Với mức độ thông tin này, các dịch vụ có thể được tối ưu hóa để giảm chi phí và rủi ro, tăng lưu lượng đô thị và quản lý tài sản. Điều quan trọng là chúng cũng có thể cung cấp các kết nối và tương tác theo thời gian thực giữa các doanh nghiệp thành phố, chính quyền địa phương, nhà cung cấp dịch vụ và người dân.

Bằng cách này, các hoạt động và dịch vụ được nâng cao thông qua việc tích hợp và kết nối các thiết bị vật lý thông qua mạng IoT, cuối cùng sẽ thay đổi cách vận hành của một thành phố.

36.

Kiến thức: Cấu trúc tương đương

Giải thích: Cấu trúc “If I were you, I would ...” = “You should ...”.

Tạm dịch: Bạn nên học chăm chỉ hơn để vượt qua kỳ thi.

Đáp án: should study harder to pass the exam.

37.

Kiến thức: Cấu trúc tương đương

Giải thích: Cấu trúc câu gợi ý, mời: “Let’s + V-inf” = “Why don’t we + V-inf?”.

Tạm dịch: Tại sao chiều nay chúng ta không đi bơi nhỉ?

Đáp án: we go swimming this afternoon?

38.

Kiến thức: Cấu trúc tương đương

Giải thích: “The last time + S + V-ed + was + time” = “S + have/has + not + V-p2 + since/for + time”.

Tạm dịch: Tôi đã không gặp cô ấy kể từ năm 2021.

Đáp án: haven't seen her since 2021.

39.

Kiến thức: Cấu trúc tương đương

Giải thích: "It's not advisable for sb to V" = "S + shouldn't + V-inf".

Tạm dịch: Cha mẹ không nên so sánh con mình với con của người khác.

Đáp án: shouldn't compare their children to others'.

40.

Kiến thức: Cấu trúc tương đương

Giải thích: "It is forbidden for sb to V = S + mustn't + V-inf": ai đó không được phép làm gì.

Tạm dịch: Học sinh không được gian lận trong kỳ thi.

Đáp án: mustn't cheat in the exam.